

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tìm hiểu quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ sau Chiến tranh lạnh có ý nghĩa khoa học quan trọng, không những bổ khuyết cho việc nghiên cứu sâu hơn về hai chủ thể quan hệ nói riêng mà còn góp phần làm rõ những tương tác và chuyển biến trong quan hệ quốc tế nói chung ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương sau Chiến tranh lạnh. Riêng đối với Việt Nam, nghiên cứu và tìm hiểu về quan hệ Hàn Quốc - Hoa Kỳ, nhận thức được chiến lược đối ngoại của mỗi nước là một việc làm cần thiết về mặt thực tiễn, giúp rút ra được những kinh nghiệm lịch sử cần thiết, dự đoán được tình hình an ninh – chính trị ở khu vực để có thể đưa ra những lựa chọn chính sách phù hợp. Vì vậy, với những lý do khoa học và thực tiễn trên, tôi đã quyết định chọn vấn đề “Quan hệ Hàn Quốc - Hoa Kỳ (1993 - 2012)” làm hướng nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích: tái hiện một cách hệ thống, khách quan mối quan hệ Hàn Quốc - Hoa Kỳ sau Chiến tranh lạnh trên một số lĩnh vực chủ yếu: chính trị - ngoại giao, an ninh – quân sự và kinh tế trong giai đoạn 1993 – 2012, từ đó làm rõ đặc điểm, tính chất và tác động của mối quan hệ này tới hai chủ thể và khu vực Đông Bắc Á.

Nhiệm vụ: *Thứ nhất*, phân tích các nền tảng và các nhân tố bên trong và bên ngoài tác động đến mối quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ trong giai đoạn 1993 - 2012. *Thứ hai*, phân tích thực trạng quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ (1993 - 2012) trên các lĩnh vực chủ yếu. *Thứ ba*, phân tích diễn trình, đánh giá các thành tựu và hạn chế cũng

như những tác động nhiều chiều của mối quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ đối với một số cặp quan hệ khác.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là mối quan hệ Hàn Quốc - Hoa Kỳ (1993 - 2012) trên một số lĩnh vực chủ yếu: chính trị - ngoại giao, an ninh – quân sự, kinh tế.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt thời gian: từ năm 1993 đến năm 2012.

- Về mặt không gian: hai chủ thể chính trị là Hàn Quốc và Hoa Kỳ.

-Về mặt nội dung: đề tài phân tích, tổng hợp tiến trình quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh – quân sự, kinh tế.

4. Nguồn tài liệu

Tài liệu được sử dụng trong luận án này bao gồm các tài liệu gốc và các tài liệu thứ cấp.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp luận:

Phương pháp chính được sử dụng trong việc xác định các sự kiện lịch sử là phương pháp trực tiếp (phương pháp quy nạp), bên cạnh đó kết hợp với phương pháp so sánh. Sau đó, việc phân tích, đánh giá các nội dung, đặc điểm, tính chất của các sự kiện lịch sử sẽ được tuân thủ theo phương pháp luận sử học Marxist. Luận án cũng tuân thủ phương pháp luận của chủ nghĩa Marxist về quan hệ quốc tế và vận dụng các lý thuyết địa chính trị - địa kinh tế.

5.2 Phương pháp nghiên cứu cụ thể:

Phương pháp lịch sử và phương pháp logic là các phương pháp chủ đạo trong nghiên cứu, kết hợp với phương pháp lịch đại, đồng

đại và phân kỳ, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp và khái quát hóa, phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp phân tích chiến lược, phương pháp thống kê, phân tích cấu trúc.

6. Đóng góp của đề tài

* Về mặt khoa học: *Thứ nhất*, đưa ra những phân tích, luận giải những nền tảng và nhân tố tác động đến quan hệ giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ giai đoạn 1993 – 2012. *Thứ hai*, tái hiện theo trình tự thời gian một bức tranh tổng thể về quan hệ chính trị - ngoại giao, an ninh – quân sự và kinh tế giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ sau Chiến tranh lạnh một cách khách quan và chân thực. *Thứ ba*, góp phần tìm hiểu về hệ thống và trật tự quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Bắc Á.

* Về mặt thực tiễn: Luận án cung cấp những cơ sở cần thiết cho việc nhìn nhận và dự đoán tình hình an ninh chính trị ở Đông Á trong những thập niên sắp tới và cũng đồng thời là những kinh nghiệm lịch sử có giá trị tham khảo trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của nước ta.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung chính của luận án bao gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan về tình hình nghiên cứu.

Chương 2: Nền tảng và những nhân tố tác động đến quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ giai đoạn 1993 -2012

Chương 3: Những nội dung chủ yếu trong quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ giai đoạn 1993 - 2012

Chương 4: Một số nhận xét, đánh giá về quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ giai đoạn 1993 - 2012

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Thực trạng nghiên cứu vấn đề khoa học ở trong nước

Đầu tiên là nhóm các công trình liên quan đến một số vấn đề có tính tổng quan liên quan đến quan hệ song phương, tiêu biểu gồm có “Hàn Quốc trước thềm thế kỷ XXI” (1999) do Dương Phú Hiệp và Ngô Xuân Bình đồng chủ biên, “Chiến lược, chính sách của các quốc gia và vùng lãnh thổ ở Đông Bắc Á về một số vấn đề nổi bật của khu vực giai đoạn 2011 – 2020” (2013) do Trần Quang Minh chủ biên, “Một số vấn đề lý luận quan hệ quốc tế dưới góc nhìn lịch sử” (2014) của Hoàng Khắc Nam, “Thế giới sau Chiến tranh lạnh” (2006) của Quang Lợi, Trần Nhung, Kiều Trang, “Chính trị khu vực Đông Bắc Á từ sau chiến tranh lạnh” (2007) do Trần Anh Phương chủ biên...

Bên cạnh đó là các công trình nghiên cứu tổng quát về chính sách đối ngoại của Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Có thể kể ra một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu sau: “Vai trò của Hoa Kỳ ở châu Á: Quyền lợi và chính sách” (1993) của nhóm nghiên cứu thuộc Trung tâm nghiên cứu cơ bản châu Á về các vấn đề châu Á - Thái Bình Dương, “Hoa Kỳ - xu hướng chiến lược kinh tế kể từ kết thúc Chiến tranh lạnh” (1998) của Đỗ Lộc Diệp, “Vấn đề trừng phạt kinh tế trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ” (2003) do Nguyễn Thái Yên Hương chủ biên, “Hoa Kỳ kinh tế và quan hệ quốc tế” (2004) của Nguyễn Thiết Sơn...

Ngoài ra là các công trình liên quan đến một số mảng quan hệ và giai đoạn trong quan hệ song phương. Tiêu biểu là luận án tiến sĩ “Quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ (1961 - 1993)” của Bùi Thị Kim Huệ, luận văn “Quan hệ Hoa Kỳ - Hàn Quốc từ năm 1991 đến 2005” của Phạm Trung Triều hay luận văn “Quan hệ an ninh, chính trị Hoa Kỳ - Hàn Quốc (2001 - 2012)” của Lê Đình Kiên.

1.2. Thực trạng nghiên cứu vấn đề khoa học ở nước ngoài

Về nghiên cứu *quan hệ tổng thể giữa Hàn Quốc - Hoa Kỳ*, Larry A. Niksch cùng các đồng sự đã trực tiếp soạn thảo một số lượng lớn các Báo cáo Quốc hội (Congressional Reports) hàng năm với nội dung xoay sâu vào các vấn đề nổi bật trong quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ ít nhất là từ năm 1996 cho đến nay. Bên cạnh đó, chúng ta có thể kể tên thêm một số tác giả khác như Gi-Wook Shin (2010) với cuốn *“One Alliance, Two Lenses: U.S.-Korea Relations in a New Era”* hay *“The U.S - South Korean Alliance: Time for a Change”* do học giả Doug Bandow chủ biên (1992).

Mảng nghiên cứu chuyên sâu về *quan hệ chính trị - ngoại giao giữa Hàn Quốc – Hoa Kỳ* cũng thu hút sự quan tâm của khá đông các học giả, tiêu biểu như Katherine Moon với công trình *“Protesting American: Democracy and the U.S – South Korea Alliance”* và Victor D. Cha với *“Powerplay: The Origins of the American Alliance System in Asia”*. Ngoài ra, cũng có một số học giả khác có đóng góp đáng kể trong quá trình nghiên cứu quan hệ chính trị - ngoại giao song phương giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ như Robert G. Sutter, chủ biên (2003) cuốn *“The United States and East Asia: Dynamics and Implications”*, hay Hahm Chaibong (2008) với cuốn *“South Korea’s Progressives and the US – ROK Alliance”*.

Một nhóm các học giả khác chuyên chú đi sâu nghiên cứu *quan hệ an ninh – quân sự giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ trong và sau Chiến tranh lạnh*, tiêu biểu như Kwang Sub Kwak với *“The US-ROK Alliance, 1953-2004: Alliance Institutionalization”*, Sun Min Kim với *“ROK - U.S Security Relations: “The China Factor” and a turning point”*...

Về *quan hệ kinh tế giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ*, nổi bật có Mark E. Manyin với các báo cáo Quốc hội thường niên, C. Fred Bergsten và Il SaKong với cuốn *“The Korea-United States Economic Relationship”*...

1.3. Những thành tựu, hạn chế và các vấn đề đặt ra

Các công trình nghiên cứu cả trong và ngoài nước nhìn chung đã cung cấp các tri thức nguồn cũng như giải quyết thành công một số câu hỏi nghiên cứu quan trọng mà luận án đặt ra. Tuy nhiên, vẫn chưa có những công trình nghiên cứu hệ thống, toàn diện về tất cả các mối quan hệ giữa hai nước Hàn Quốc và Hoa Kỳ trong giai đoạn 1993 – 2012 ở trong và ngoài nước.

CHƯƠNG 2

NỀN TẢNG VÀ NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ HÀN QUỐC – HOA KỲ GIAI ĐOẠN 1993 -2012

2.1 Những nền tảng của quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ

2.1.1 Nền tảng lợi ích

2.1.1.1 Lợi ích của Hàn Quốc trong quan hệ với Hoa Kỳ

Lợi ích về mặt an ninh là lợi ích quan trọng nhất thúc đẩy Hàn Quốc gắn kết với Hoa Kỳ, giữ cho quan hệ luôn ổn định và không đi ra khỏi quỹ đạo dù trong tiến trình quan hệ có những thăng trầm đáng kể. Về khía cạnh kinh tế, quan hệ với Hoa Kỳ là một trong những cơ sở quan trọng cho sự thịnh vượng của Hàn Quốc. Về mặt chính trị, một mối quan hệ bền chặt với Hoa Kỳ là ưu tiên hàng đầu của Hàn Quốc nhằm tồn tại ổn định và hòa bình trong môi trường chính trị và an ninh phức tạp ở khu vực Đông Bắc Á.

2.1.1.2 Lợi ích của Hoa Kỳ trong quan hệ với Hàn Quốc

Về mặt an ninh, Hàn Quốc trong vai trò là tiền đồn ở Đông Bắc Á lục địa và nằm trên vành đai phòng thủ từ xa của Hoa Kỳ. Hơn nữa, Hàn Quốc gánh vác phần nào gánh nặng quốc phòng ở Bán đảo Triều Tiên cho phía Hoa Kỳ, đồng thời mở ra một kênh đối thoại phụ trợ cho chính phủ Hoa Kỳ trong vấn đề CHDCND Triều Tiên. Về chính trị, duy trì quan hệ ngoại giao tốt đẹp với Hàn Quốc giúp Hoa Kỳ củng cố thế đứng chân ở khu vực châu Á và giúp duy trì ưu thế vượt trội của Hoa Kỳ đối với các đối thủ cạnh tranh về phạm vi ảnh hưởng. Về

kinh tế, Hàn Quốc là một sự bổ sung cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của các thể chế kinh tế đa phương do Hoa Kỳ đứng đầu.

2.1.2 Nền tảng lịch sử

Vào năm 1948, trên lãnh thổ Triều Tiên chính thức hình thành hai chính quyền riêng biệt: Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ở phía Bắc và Đại Hàn Dân Quốc ở phía Nam. Vào ngày 25/6/1950, chiến tranh giữa hai miền Triều Tiên nổ ra. Vào năm 1954, các bên đã thỏa hiệp tại hội nghị Geneva, đồng ý đình chiến ở Bán đảo Triều Tiên, lấy vĩ tuyến 38 chia đôi Bán đảo Triều Tiên.

Hoa Kỳ đã tìm mọi cách để xây dựng và củng cố thể đứng chân cho chính quyền Hàn Quốc trên mọi phương diện. Với hàng loạt các văn kiện ngoại giao được ký kết, liên hệ giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ trở nên đặc biệt sâu sắc trong những năm 50, 60 của thế kỷ XX, xây dựng nền móng cho mối quan hệ liên minh bất đối xứng trong đó Hàn Quốc phụ thuộc chặt chẽ vào Hoa Kỳ, kéo dài cho tận tận những năm 1980. Trong giai đoạn cầm quyền của Roh Tae Woo, quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ đang trải qua một giai đoạn bản lề quan trọng, khi quan hệ đối tác (partnership) dần dần thành hình.

2.2. Những nhân tố tác động đến quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ

2.2.1 Nhân tố bên ngoài

2.2.1.1 Tình hình quốc tế và khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh lạnh

Sự sụp đổ của các nước XHCN Đông Âu và Liên Xô và trong giai đoạn 1989 - 1991 dẫn tới một thế giới bất ổn sau Chiến tranh lạnh với sự nổi lên của xung đột tôn giáo và sắc tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa ly khai và khủng bố quốc tế. Nhưng ở mặt khác, sự sụp đổ của trật tự hai cực Yalta cũng dẫn tới những xu thế mới của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. Một dấu mốc quan trọng khác đánh dấu sự thay đổi của môi trường an ninh khu vực và thế giới là sự kiện 11/9 và sau đó cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu do Hoa Kỳ phát động. Một

chuyển biến đáng chú ý khác diễn ra ở quy mô toàn cầu là sự chuyển dịch từ Tây sang Đông sức mạnh kinh tế và chính trị thế giới.

Tình hình an ninh khu vực Đông Bắc Á, dù ổn định, vẫn luôn nóng bỏng với các chuyển động quân sự và ngoại giao trên bán đảo Triều Tiên cũng như việc cấu trúc quyền lực của trật tự Đông Á chưa toàn diện cả về chính trị, kinh tế lẫn văn hóa đã hình thành một kiểu “cân bằng thấp” có tính “động” trong quan hệ quốc tế.

2.2.1.2 Nhân tố CHDCND Triều Tiên trong quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ

Nhân tố CHDCND Triều Tiên vừa là nhân tố có tính hai chiều đối với sự ổn định của liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ. Sự biến động từ nhân tố này tạo ra tác động then chốt đến quan hệ an ninh – quân sự cũng như chính trị ngoại giao giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ trong giai đoạn lịch sử mà luận án nghiên cứu.

2.2.1.3 Nhân tố các nước lớn trong quan hệ Hàn Quốc - Hoa Kỳ

Nhân tố Trung Quốc

Thứ nhất, giữa Trung Quốc và liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ tồn tại cả mâu thuẫn cơ bản lẫn nhiều mâu thuẫn chủ yếu. Thứ hai, ba nước Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Trung Quốc có lợi ích chung về mặt an ninh và kinh tế. Thứ ba, Trung Quốc tìm cách tiếp cận Hàn Quốc, làm giảm sự đồng thuận trong liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ. Cuối cùng, Trung Quốc lợi dụng vấn đề Bán đảo Triều Tiên để mặc cả trực tiếp với Hoa Kỳ.

Nhân tố Nhật Bản

Nhật Bản có lợi ích an ninh to lớn trong sự duy trì và phát triển của quan hệ liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ. Nhật Bản cùng với Hàn Quốc và Hoa Kỳ chia sẻ những mối lo chung về an ninh khu vực. Nhật Bản ngoài ra còn có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự ổn định và phát triển của Hàn Quốc nói riêng và liên minh Hoa

Kỳ - Hàn Quốc nói chung. Các nước có lợi ích ở khu vực Đông Bắc Á khác thường xuyên chú ý khai thác mâu thuẫn giữa Nhật Bản và Hàn Quốc để làm suy yếu các chiến lược của Hoa Kỳ.

Nhân tố Nga

Sự thoái lui về ảnh hưởng của Nga ở Bán đảo Triều Tiên đã gián tiếp khiến cho quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ mất đi sự ổn định. Bắt đầu từ khoảng năm 2000, sự gần gũi trở lại giữa Nga với CHDCND Triều Tiên và Trung Quốc khiến Hoa Kỳ nhấn mạnh quan hệ liên minh chính trị - quân sự với Nhật Bản và Hàn Quốc. Đáng chú ý, Hàn Quốc đã tranh thủ quan hệ với Nga để góp phần tạo ra sự độc lập và chủ động tương đối đối với lập trường cứng rắn của Hoa Kỳ.

2.2.2 Nhân tố bên trong

2.2.2.1 Sự chia sẻ các giá trị chung giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ

Trong nhiều văn bản cấp nhà nước, hai nước Hàn Quốc và Hoa Kỳ đã xác định sự tồn tại vững bền của các giá trị chung mà từ đó quan hệ song phương nảy nở và được duy trì ổn định, tạo ra sự gắn bó cần thiết trong liên minh hai nước. Các giá trị đó được xác định lần lượt là sự ủng hộ nền dân chủ, nhân quyền, kinh tế thị trường, xã hội mở và nền pháp trị.

2.2.2.2 Tác động của tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng Hàn Quốc và Hoa Kỳ (1993 - 2012)

Về phía Hàn Quốc

Chính trị Hàn Quốc sau Chiến tranh lạnh có nhiều sự thay đổi, tác động đến quan hệ song phương Hàn Quốc – Hoa Kỳ. Một nền kinh tế định hướng thị trường cởi mở đã được hình thành và củng cố tại Hàn Quốc. Tuy nhiên, Hàn Quốc duy trì một mức độ bảo hộ cao đối với hàng hóa nội địa dẫn tới các cuộc xung đột thương mại với Hoa Kỳ. Tình hình an ninh – quốc phòng của Hàn Quốc có ảnh hưởng quan trọng đối với quan hệ song phương.

Về phía Hoa Kỳ

Những biến động trong tình hình chính trị Hoa Kỳ vào thời kỳ sau Chiến tranh lạnh tạo ra những tác động không đáng kể đối với sự ổn định của quan hệ liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ. Tuy nhiên, Sức khỏe của nền kinh tế và tình hình ngân sách của Hoa Kỳ đã trực tiếp ảnh hưởng đến quan hệ an ninh – quân sự cũng như kinh tế giữa hai nước. Sự biến động trong tình hình an ninh – quốc phòng của Hoa Kỳ cũng tạo ra những tác động đáng chú ý đối với quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ.

2.2.2.3 Tác động từ sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Hàn Quốc và Hoa Kỳ (1993 -2012)

Về phía Hàn Quốc

Chính sách đối ngoại dưới thời Kim Young Sam, Kim Dae Jung và Roh Moo Hyun nhìn chung có sự kế thừa và phát triển lẫn nhau về nhiều mặt, nhấn mạnh vào sự hòa giải và hợp tác lẫn tự chủ hơn về mặt đối ngoại đối với Hoa Kỳ, trong khi đó chính sách đối ngoại dưới thời Lee Myung Bak có xu hướng đảo chiều, khiến cho liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ trở nên khăng khít hơn bao giờ hết trong lịch sử.

Về phía Hoa Kỳ

Mặc dù mô hình nan quạt về cơ bản được duy trì xuyên suốt từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc cho tới nay, chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ dưới mỗi đời tổng thống lại vạch ra những mục tiêu và nhiệm vụ đối ngoại khác biệt. Mức độ tương hợp của Hàn Quốc đối với những chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ trong từng thời kỳ ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự ổn định của quan hệ song phương.

CHƯƠNG 3

NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU TRONG

QUAN HỆ HÀN QUỐC – HOA KỲ GIAI ĐOẠN 1993 - 2012

3.1. Quan hệ chính trị - ngoại giao

3.1.1. Thực trạng quan hệ chính trị - ngoại giao Hàn Quốc - Hoa Kỳ

3.1.1.1. Giai đoạn 1993 -1997

Quan hệ đa diện và gần gũi giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ giai đoạn này tập trung vào một loạt các vấn đề về an ninh, chính trị, kinh tế. Tuy nhiên, sự chuyển dịch của nền chính trị Hàn Quốc vào lúc này tạo ra những khó khăn mới cho quá trình hợp tác chính trị song phương so với giai đoạn trước. Đáng chú ý là rạn nứt trong quan hệ chính trị Hàn Quốc – Hoa Kỳ thể hiện qua vấn đề CHDCND Triều Tiên vào nửa sau thời kỳ cầm quyền của Kim Young Sam.

3.1.1.2. Giai đoạn 1997 – 2008

Đây là thời điểm quan hệ song phương Hàn Quốc – Hoa Kỳ vẫn tiến triển tốt đẹp trên bề mặt, nhưng ở tầng sâu, Hàn Quốc lại đang tìm cách vượt thoát khỏi sự phụ thuộc vào Hoa Kỳ, hiệu chỉnh lại mối quan hệ theo hướng cân bằng hơn.

Kể từ khi George W.Bush lên cầm quyền ở Nhà Trắng vào năm 2001, có thể nói quan hệ chính trị Hoa Kỳ - Hàn Quốc lại bước vào giai đoạn mới khi mà những tranh cãi và bất đồng dần dần nổi bật hơn những đồng thuận. Nhiều ý kiến ở Hoa Kỳ cho rằng giai đoạn Roh Moo Huyn cầm quyền là giai đoạn tồi tệ nhất trong lịch sử quan hệ Hoa Kỳ - Hàn Quốc.

3.1.1.3. Giai đoạn 2008 – 2012

Kể từ cuối năm 2008, quan hệ giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ được cho là ở giai đoạn tốt đẹp nhất trong nhiều thập niên. Năm 2009 đánh dấu sự phát triển của liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ từ một liên minh an ninh quân sự nhằm chống lại CHDCND Triều Tiên trở thành một liên minh có tầm khu vực và toàn cầu, đối phó với một loạt các vấn đề thuộc nhiều

lĩnh vực. Việc phối hợp chính sách chung giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ nhằm đối phó với CHDCND Triều Tiên cũng đạt được nhiều tiến triển dưới thời Lee Myung Bak.

3.1.2 Thái độ chính trị của người dân Hàn Quốc và Hoa Kỳ đối với quan hệ song phương Hàn Quốc - Hoa Kỳ

Thái độ chính trị của người dân Hàn Quốc đối với Hoa Kỳ, như Chung-in Moon chỉ ra, rất đa dạng: từ yonmi (liên kết với Mỹ), chinmi (thân Mỹ), sungmi (sùng Mỹ), banmi (bài Mỹ, còn gọi là pan-mi) đến hyommi (căm ghét Mỹ). Các tâm lý này đã cùng tồn tại, phát triển và đối kháng lẫn nhau kể từ những ngày đầu hai nước thiết lập quan hệ; tuy nhiên, trong giai đoạn sau Chiến tranh lạnh, tâm lý banmi, song hành cùng với tâm lý chinmi, nổi lên trở thành một trong những chủ lưu trong thái độ chính trị đối với Hoa Kỳ của những người Hàn Quốc.

Ở chiều ngược lại, người dân Hoa Kỳ nói chung không có thái độ chính trị cụ thể nào về Hàn Quốc. Các thái độ tiêu cực chỉ dừng ở mức dư luận, chứ chưa thể xem là một thái độ chính trị cụ thể.

3.2 Quan hệ an ninh – quân sự

3.2.1 Thực trạng quan hệ an ninh – quân sự Hàn Quốc – Hoa Kỳ

3.2.1.1 Giai đoạn 1993 – 2008

So với các thời kỳ trước, quan hệ an ninh – quân sự song phương giai đoạn 1993 – 2008 nổi bật lên một số vấn đề sau:

Thứ nhất, liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ tiếp tục được duy trì và củng cố, đồng thời bắt đầu hiệu chỉnh để thích nghi với môi trường an ninh mới. *Thứ hai*, Hàn Quốc tăng cường mua sắm vũ khí và trang thiết bị quân sự từ Hoa Kỳ nhằm phát triển một nền quốc phòng độc lập. *Thứ ba*, Hoa Kỳ và Hàn Quốc mâu thuẫn trong lập trường đối với nguy cơ an ninh từ CHDCND Triều Tiên. *Thứ tư*, liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ nâng cấp lên trạng thái “linh hoạt chiến lược”.

3.2.1.2 Giai đoạn 2008 – 2012

Hai đặc điểm nổi bật của giai đoạn này là (1) Hàn Quốc – Hoa Kỳ đồng thuận phối hợp chính sách an ninh, đưa quan hệ an ninh- quân sự song phương bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ nhất và sau

đó (2) quan hệ an ninh – quân sự Hàn Quốc – Hoa Kỳ đã được nâng cấp lên cấp độ liên minh chiến lược toàn diện.

3.2.2 Một số vấn đề khác trong quan hệ an ninh – quân sự Hàn Quốc – Hoa Kỳ

3.2.2.1 Vấn đề chuyển giao Quyền chỉ huy quân đội

Quyền chỉ huy quân đội thời bình đã được chuyển giao lại cho Hàn Quốc vào năm 1994. Tuy nhiên, đàm phán về quyền chỉ huy quân đội thời chiến không đạt được tiến bộ nào lớn mãi cho tới năm 2007 khi Hàn Quốc và Hoa Kỳ đạt được một hiệp định, theo đó Hoa Kỳ sẽ chuyển giao OPCON cho Hàn Quốc vào ngày 17 tháng 4 năm 2012. Tuy nhiên cho đến nay, việc chuyển giao vẫn đang bị trì hoãn.

3.2.2.2 Vấn đề Hiệp định Quy chế Lực lượng vũ trang (SOFA)

Hàn Quốc và Hoa Kỳ đã chính thức ký kết SOFA vào năm 1967. Hiệp định này sau đó được chỉnh sửa hai lần, vào năm 1991 và 2001. Nội dung SOFA bao hàm hai vấn đề quan trọng: quyền xét xử binh lính Hoa Kỳ phạm tội trên lãnh thổ Hàn Quốc và vấn đề chia sẻ chi phí quốc phòng. Dù đã sửa đổi 2 lần, khả năng trong thời gian tới SOFA Hàn Quốc – Hoa Kỳ buộc phải được điều chỉnh một lần nữa do áp lực từ dư luận vẫn tồn tại.

3.2.2.3. Đàm phán tên lửa Hoa Kỳ - Hàn Quốc

Sau một thời gian dài thảo luận, yêu cầu được tham gia MTCR của Hàn Quốc nhận được sự đồng thuận từ phía Hoa Kỳ vào tháng 10 năm 2000. Hàn Quốc sau đó đã trở thành thành viên của MTCR, theo đó Hàn Quốc có thể phát triển loại tên lửa có tầm bắn xa 300km..Vấn đề nâng cấp giới hạn tên lửa lại quay trở lại trong bối cảnh căng thẳng ở khu vực Đông Bắc Á leo thang kể từ năm 2010. Đầu tháng 10 năm 2012, Lee Myung Bak đã thành công khi đạt được một thỏa thuận với Hoa Kỳ, cho phép Hàn Quốc vượt các giới hạn của MTCR.

3.2.2.4. Các cuộc diễn tập quân sự và kế hoạch quân sự chung giữa hai nước

Quan hệ an ninh – quốc phòng giữa hai bên cũng được củng cố định kỳ bằng các cuộc diễn tập quân sự trên thực địa cũng như việc xây dựng

các kế hoạch quân sự chung như Operation Plan 5027 (OPLAN 5027), CONPLAN 5029 và OPLAN 5015.

3.3. Quan hệ kinh tế

3.3.1. Thực trạng quan hệ thương mại và đầu tư Hàn Quốc và Hoa Kỳ

3.3.1.1. Quan hệ thương mại

Hơn một thập kỷ kể từ sau Chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ liên tục là đối tác thương mại lớn nhất của Hàn Quốc. Hoa Kỳ đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế thị trường Hàn Quốc. Việc giao lưu buôn bán với Hoa Kỳ đã được Hàn Quốc đặt làm trọng tâm trong chính sách kinh tế đối ngoại.

Một trong những thành công lớn nhất trong quan hệ kinh tế giữa hai nước dưới hai đời Tổng thống Roh Tae Woo và Lee Myung Bak là việc ký kết và phê chuẩn thành công KORUS FTA. KORUS FTA đi vào hiệu lực vào năm 2012 đánh dấu sự ràng buộc và phát triển sâu sắc trong thương mại song phương.

3.3.1.2. Quan hệ đầu tư

Có sự chênh lệch rất lớn trong con số FDI Hoa Kỳ ở Hàn Quốc và FDI Hàn Quốc ở Hoa Kỳ. Dù tổng lượng đầu tư của Hoa Kỳ tại Hàn Quốc luôn đứng ở vị trí hàng đầu, chính phủ cùng các tập đoàn và doanh nghiệp Hoa Kỳ từ lâu đã bày tỏ sự không hài lòng đối với môi trường đầu tư của Hàn Quốc do những rào cản pháp lý và sự đối xử bất công bằng đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

3.3.2. Một số tranh chấp thương mại nổi bật giữa hai nước

3.3.2.1. Viễn thông

Trước khi khủng hoảng tiền tệ châu Á nổ ra vào năm 1997, Hoa Kỳ đã đàm phán một loạt các thỏa thuận thương mại song phương về lĩnh vực viễn thông với Hàn Quốc. Tuy nhiên, đến năm 2004, vấn đề này lại gây tranh cãi gay gắt giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ.

3.3.2.2. Xe hơi

Hàn Quốc hiện là nước sản xuất xe hơi lớn thứ tư thế giới nhưng trong một thời gian dài từng duy trì rất nhiều rào cản đối với việc nhập khẩu xe hơi vào nước mình. Tình hình này là nguồn gốc dẫn tới các xung đột song phương về thương mại giữa Hàn Quốc với nhiều nước.

3.3.2.3 Thép

Xuất khẩu thép của Hàn Quốc vào thị trường Hoa Kỳ từ lâu đã là một trong những vấn đề bị ảnh hưởng bởi yếu tố chính trị trong chương trình nghị sự kinh tế song phương, đặc biệt là kể từ sau năm 1997. Dù có một số tiến bộ thông qua KORUS FTA, sắt thép sẽ vẫn tiếp tục là một điểm nóng trong tranh cãi thương mại giữa hai nước bởi tầm quan trọng của lĩnh vực này.

3.3.2.4 Quyền sở hữu trí tuệ

Việc Hoa Kỳ cáo buộc Hàn Quốc không bảo vệ đầy đủ quyền sở hữu trí tuệ cũng thường khiến cho quan hệ thương mại giữa hai bên trở nên căng thẳng. Việc ký kết KORUS FTA giữa hai nước đã đánh dấu một bước tiến trong việc dàn xếp các tranh cãi về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ giữa hai nước.

3.3.2.5 Dược phẩm

Trong nhiều năm, phía Hoa Kỳ đã bày tỏ thái độ không hài lòng với một loạt các quy định của Hàn Quốc trong ngành công nghiệp dược, đặc biệt là về những đòi hỏi kiểm định dược Hoa Kỳ đánh giá tính “phiên hà” và “không có cơ sở khoa học” của phía Hàn Quốc. Việc KORUS FTA bắt đầu có hiệu lực vào 15 tháng 3 năm 2012 đã cải thiện khả năng tiếp cận đến các dược phẩm gốc và cải tiến an toàn và hiệu quả hơn.

3.3.2.6 Nông nghiệp

Vấn đề cấm thịt bò nhập khẩu từ Hoa Kỳ của Hàn Quốc

Chính phủ Hàn Quốc đã phân biệt đối xử đối với thịt bò nhập khẩu theo nhiều cách, ngăn cản những nỗ lực nhằm tiếp thị thịt bò Mỹ trực tiếp đến người tiêu dùng. Hoa Kỳ đã nhiều lần đưa vụ việc ra WTO phân xử để buộc Hàn Quốc phải nhượng bộ. Tuy nhiên sau đó có một thời gian thịt bò Mỹ đã bị cấm ở thị trường Hàn Quốc do dịch bò điên.

Về vấn đề hạn sử dụng (Shelf life)

Vấn đề này nổ ra vào tháng 2 năm 1994 liên quan đến lĩnh vực nhập khẩu các loại thịt và thực phẩm khác. Vấn đề hạn sử dụng về cơ bản đã được giải quyết ổn thỏa sau thỏa thuận về vấn đề hạn sử dụng vào tháng 7 năm 1995.

3.3.2.7 Vấn đề chống bán phá giá

Trong hơn một thập niên, Hàn Quốc đã không hài lòng về việc Hoa Kỳ sử dụng Luật chống bán phá giá và thuế đối kháng (CVD) để nâng thuế đánh vào hàng xuất khẩu của Hàn Quốc. Điều này dẫn tới hàng loạt các vụ kiện tụng thương mại và đàm phán nhằm dàn xếp mâu thuẫn giữa hai nước.

3.3.2.8 Vấn đề thuế áp dụng cho các dạng rượu cất:

Các loại thuế rượu của Hàn Quốc ưu đãi loại rượu soju truyền thống của nước này, đồng thời phân biệt đối xử rượu whisky hoặc các loại rượu cất khác của phương Tây. Khiếu nại của EU và Hoa Kỳ lên WTO đã buộc Hàn Quốc phải cân bằng các dạng thuế đánh vào các loại rượu sản xuất nội địa lẫn nhập khẩu từ bên ngoài.

3.3.2.9 Vấn đề thủ tục thông quan nhập khẩu

Trong một thời gian dài, quy trình thông quan nhập khẩu (Import Clearance Procedure) bị đánh giá là chậm và phức tạp của Hàn Quốc là một trong những rào cản thương mại đáng kể nhất đối với các mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu của Hoa Kỳ.

CHƯƠNG 4

MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ

QUAN HỆ HÀN QUỐC – HOA KỲ GIAI ĐOẠN 1993 – 2012

4.1. Đặc điểm, tính chất của quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ

4.1.1 Đặc điểm

Thứ nhất, đặc điểm nổi bật nhất của quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ trong giai đoạn sau Chiến tranh lạnh là sự hợp tác chiến lược giữa hai nước. *Thứ hai*, quan hệ đồng minh với Hoa Kỳ vẫn là trọng tâm của chính sách đối ngoại Hàn Quốc. *Thứ ba*, quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ không tồn tại mâu thuẫn bản chất, chỉ tồn tại những mâu thuẫn chủ yếu. *Thứ tư*, sự song trùng về lợi ích an ninh của cả hai nước là chất kết dính chủ yếu của quan hệ Hàn Quốc - Hoa Kỳ sau Chiến tranh lạnh. *Thứ năm*, hai nước đều tranh thủ và lợi dụng quan hệ này để vừa tối ưu hóa lợi ích của mình *Cuối cùng*, quan hệ song

phương được đặc trưng bởi quan hệ “trung tâm – ngoại vi” kéo dài từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai cho tới nay.

4.1.2 Tính chất

Thứ nhất, kể từ sau Chiến tranh lạnh, tính chất của liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ vẫn đang thay đổi theo xu hướng chuyển dịch từ bất đối xứng (asymmetric) đến đối xứng hơn. *Thứ hai*, tính chất và mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa hai quốc gia ngày càng gia tăng, đặc biệt là về mặt an ninh và kinh tế. *Thứ ba*, sau Chiến tranh lạnh, tính khu vực của quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ đã dần dần trở thành liên khu vực, định hướng toàn cầu. *Thứ tư*, Thứ tư, trong giai đoạn sau Chiến tranh lạnh, quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ đã dần đạt được tính chất toàn diện. *Thứ năm*, tính dân chủ và đa nguyên trong quan hệ song phương Hàn Quốc – Hoa Kỳ được phát huy nhiều hơn so với trước. *Cuối cùng*, tính thực dụng cũng là một đặc trưng nổi bật của quan hệ song phương Hàn Quốc – Hoa Kỳ.

4.2. Những thành tựu và hạn chế của quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ

4.2.1 Những thành tựu

4.2.1.1 Trong lĩnh vực hợp tác an ninh chung

Ba thành tựu đáng chú ý nhất là (1) sự tiến lên trạng thái “linh hoạt chiến lược” của liên minh an ninh song phương, (2) sự gia tăng vai trò của Hàn Quốc trong quan hệ an ninh Hàn Quốc – Hoa Kỳ và (3) sự thắt chặt hơn nữa quan hệ song phương.

4.2.1.2 Trong xây dựng chính sách chung

Hàn Quốc và Hoa Kỳ cũng đạt được thành tựu nhất định trong việc xây dựng một tầm nhìn chung về chính trị, thể hiện trên hai khía cạnh: (1) đồng thuận chính sách về CHDCND Triều Tiên và (2) đồng thuận về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ.

4.2.1.3 Trong quan hệ kinh tế song phương

Có lẽ thành tựu lớn nhất trong quan hệ kinh tế song phương giữa hai nước là việc hai bên đã gác lại những bất đồng và đồng thuận nhượng bộ vì việc hiện thực hóa thành công Hiệp định Thương mại Tự do Hàn Quốc – Hoa Kỳ (KORUS FTA).

4.2.2 Những tồn tại

4.2.2.1 Sự tiếp diễn của tình trạng phụ thuộc Hoa Kỳ về mặt an ninh của Hàn Quốc

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, những người cầm quyền quyền ở Hàn Quốc đã có nhiều nỗ lực nhằm vượt thoát khỏi sự phụ thuộc quá lớn vào Hoa Kỳ và cố gắng xây dựng một đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ. Tuy nhiên, trong lúc khả năng quốc phòng chưa đủ đáp ứng nhu cầu an ninh, Hàn Quốc sẽ vẫn phải dựa vào sự hỗ trợ của Hoa Kỳ để bù đắp sự chênh lệch trong tương quan quân sự giữa hai miền Triều Tiên.

4.2.2.2 Những xung đột về lợi ích kinh tế

Đối với quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ, quá trình tương tác kinh tế đã làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn và những mâu thuẫn này đã được khuếch đại trong giai đoạn sau Chiến tranh lạnh. Mâu thuẫn đầu tiên đến từ cán cân thương mại hai chiều. Điều này dẫn đến những mâu thuẫn tiếp theo trên từng lĩnh vực buôn bán cụ thể giữa hai nước.

4.2.2.3. Những bất đồng về chính trị

Lợi ích chính trị của mỗi bên đôi khi cũng có những chỗ không tương hợp với nhau trong bối cảnh mới sau Chiến tranh lạnh. Thứ nhất, ý chí của một bộ phận đáng kể trong giới chính trị Hàn Quốc là muốn nước này có vị thế xứng đáng với địa vị kinh tế, tăng cường sự độc lập tự chủ, tránh phụ thuộc quá nhiều vào Hoa Kỳ. Thứ hai, giữa hai bên vẫn tồn tại một số bất đồng về vấn đề Trung Quốc.

4.3. Những tác động của quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ

4.3.1. Đối với hai chủ thể quan hệ

4.3.1.1. Đối với Hàn Quốc

Thứ nhất, giúp cho an ninh của Hàn Quốc tiếp tục được củng cố và đảm bảo. *Thứ hai*, giúp nâng cao vị thế và uy tín chính trị của Hàn Quốc trên các diễn đàn song phương và đa phương cũng như với các quốc gia lân cận. *Thứ ba*, có tác động tích cực và dài hạn đối với sự phát triển của Hàn Quốc. *Cuối cùng*, tạo ra những hạn chế nhất định đối với Hàn Quốc.

4.3.1.2. Đối với Hoa Kỳ

Trước hết, có tác dụng tích cực trong việc duy trì và củng cố phạm vi ảnh hưởng của Hoa Kỳ ở khu vực Đông Bắc Á và châu Á – Thái Bình Dương. *Thứ hai*, đóng vai trò là biện pháp truyền thống của Hoa Kỳ nhằm thực hiện ổn định chiến lược ở khu vực Đông Bắc Á và giữ ưu thế trước các đối thủ như Trung Quốc hay LB Nga. *Thứ ba*, góp phần hiệu quả vào việc bảo vệ an ninh cho Hoa Kỳ từ xa. *Thứ tư*, là một trong những trụ cột cần thiết củng cố cho hệ thống kinh tế quốc tế mà Hoa Kỳ vẫn đang tiếp tục chi phối.

4.3.2 Đối với quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Bắc Á

4.3.2.1 Đối với quan hệ Liên Triều

Tác động từ quan hệ giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ đối với quan hệ Liên Triều bao hàm cả hai mặt tiêu cực và tích cực, trong đó tác động tiêu cực là mặt nổi bật. Quan hệ giữa Hàn Quốc với Hoa Kỳ tạo những tác động tích cực nhất định đối với quan hệ Liên Triều, nhất là trong giai đoạn Bill Clinton cầm quyền ở Nhà Trắng (1993 - 2000).

Tuy nhiên, việc liên minh an ninh Hàn Quốc – Hoa Kỳ tiếp tục tồn tại và phát triển sau Chiến tranh lạnh đã tạo ra một áp lực rất lớn đối với sự tồn tại của CHDCND Triều Tiên.

4.3.2.2 Đối với quan hệ ba bên Hàn Quốc – Nhật Bản – Hoa Kỳ

Những mâu thuẫn sâu sắc giữa Hàn Quốc và Nhật Bản là trở ngại chính trong quan hệ ba bên Hàn Quốc – Nhật Bản – Hoa Kỳ trong một suốt một thời gian dài. Quan hệ hợp tác ba bên vẫn gặp khủng hoảng nghiêm trọng khi Lee Myung Bak lên cầm quyền ở Hàn Quốc, nguyên nhân là do tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải giữa Hàn Quốc và Nhật Bản gia tăng. Sự lớn mạnh của quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ dưới thời Lee Myung Bak cũng khiến Nhật Bản lo ngại đánh mất vai trò ưu tiên số 1 của mình trong chính sách của Hoa Kỳ.

4.3.2.3 Đối với cạnh tranh chiến lược Hoa Kỳ - Trung Quốc

Từ thời Kim Young Sam cho tới Roh Moo Huyn, tam giác quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ - Trung Quốc đã chứng kiến xu hướng sau: Hàn Quốc tiến lại gần Trung Quốc trong nỗ lực trở nên độc lập cũng như hạn chế sự ảnh hưởng truyền thống của Hoa Kỳ. Dưới thời kỳ cầm quyền của Kim Dae Jung và Roh Moo Huyn, trong khi quan hệ

Hàn Quốc – Hoa Kỳ đối diện với nhiều trục trặc và căng thẳng thì quan hệ Hàn Quốc – Trung Quốc lại phát triển mạnh mẽ.

Kể từ năm 2008, quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ đột ngột phát triển mạnh mẽ chưa từng thấy, trong khi đó quan hệ của Hàn Quốc với Trung Quốc trở nên căng thẳng bởi nhiều vấn đề.

KẾT LUẬN

1. Chiến tranh lạnh kết thúc đã mở ra một kỷ nguyên mới cho quan hệ quốc tế với những đặc điểm mới, những khuynh hướng lịch sử mới. Tuy nhiên, những di sản của quá khứ trên thực tế vẫn còn rất tương đối nặng nề ở nhiều khu vực trên thế giới khi các nước vẫn chưa thể dần xếp hiệu quả những nguy cơ an ninh truyền thống kéo dài hàng thập kỷ, tiêu biểu là hiện trạng trên Bán đảo Triều Tiên. Các cường quốc đã luôn khéo lợi dụng mâu thuẫn thể chế và ý thức hệ giữa hai miền Triều Tiên để can thiệp vào công việc nội bộ của hai thực thể chính trị này, gián tiếp chi phối thể cân bằng chiến lược ở phạm vi khu vực. Nhưng mặt khác, thông qua những mối quan hệ đa diện và đan xen này, các nước đã giữ được thể cân bằng chiến lược ở khu vực, kìm hãm được nguy cơ chiến tranh và bất ổn bùng phát. Vì vậy, quan hệ song phương Hàn Quốc – Hoa Kỳ là một trong những mối quan hệ quan trọng nhất trong cấu trúc quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Bắc Á nói riêng và châu Á – Thái Bình Dương nói chung.

2. Về tiến trình quan hệ, có thể chia quan hệ song phương ra làm 3 giai đoạn chủ yếu: 1993 – 1998, 1998 – 2008 và 2008 – 2012 với những đặc điểm và nội dung khác nhau.

Mối quan hệ này đã xuất hiện những dấu hiệu đổi khác dưới thời Kim Young Sam khi quan hệ an ninh giữa hai bên bước vào một giai đoạn chuyển đổi trong đó Hàn Quốc phải dần dần đảm đương việc phòng thủ quốc gia và Hoa Kỳ chuyển sang vai trò hỗ trợ chứ không phải là lãnh đạo như trong Chiến tranh lạnh, đồng thời Hàn Quốc cũng mất đi vị trí ưu tiên trước đây trong quan hệ thương mại song phương với Hoa Kỳ khi phía Hoa Kỳ giờ đây đòi hỏi một nền thương

mại “công bằng”, có qua có lại dựa trên nhân nhượng và thỏa hiệp giữa cả hai bên, dẫn đến một số lượng lớn các vụ tranh cãi và tranh chấp thương mại chưa từng thấy. Tuy nhiên, quan hệ song phương giai đoạn này nhìn chung vẫn ổn định.

Sau đó, quan hệ song phương đã bước vào một giai đoạn với những dao động mạnh trong giai đoạn Kim Dae Jung cầm quyền ở Seoul. Tư tưởng chính trị cấp tiến của Kim Dae Jung cùng với chính sách Ánh Dương của ông đã nhiều lần va chạm với lập trường của chính phủ Hoa Kỳ trong nhiều vấn đề, nhất là trong thái độ đối với CHDCND Triều Tiên. Điều này dẫn tới những rạn nứt trong quan hệ chính trị song phương. Nhưng khi Tổng thống George W.Bush với lập trường cứng rắn lên cầm quyền ở Hoa Kỳ và Tổng thống Roh Moo Hyung với lập trường kế tục của người tiền nhiệm Kim Dae Jung lên cầm quyền ở Hàn Quốc, tình hình quan hệ song phương rơi vào một giai đoạn tiêu cực, có thể xem như đã chạm đến đáy của mối quan hệ kéo dài từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai này. Cuộc chiến tranh chống khủng bố của chính phủ Hoa Kỳ đã khiến cho quan hệ với Hàn Quốc trở nên xấu đi trên nhiều khía cạnh, đặc biệt là về quan hệ chính trị - ngoại giao và an ninh – quân sự. Các phong trào đấu tranh của nhân dân chống Hoa Kỳ phát triển rầm rộ ở các đô thị Hàn Quốc, trong lúc đó, nhiều tiếng nói có uy tín ở Hoa Kỳ đòi hỏi phải cắt đứt quan hệ với Hàn Quốc. Quan hệ kinh tế dù vẫn phát triển nhưng tiếp tục xuất hiện nhiều tranh chấp kinh tế, đặc biệt trong vấn đề nông sản, sắt thép và xe hơi.

Sau khi Lee Myung Bak và Barrack Obama lên cầm quyền ở Hàn Quốc và Hoa Kỳ, quan hệ hai nước đột ngột phục hồi mạnh mẽ, nhảy vọt vào một giai đoạn phát triển đỉnh cao, ít nhất là trên khía cạnh chính trị - ngoại giao và quân sự. Sự đồng thuận trong hợp tác chính sách là điều hoàn toàn có thể nhận thấy trong giai đoạn này với mức độ phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng trong quan hệ song phương. Quan hệ hai nước cũng chuyển dịch từ một mối quan hệ dựa trên hợp tác về an ninh – quốc phòng sang một mối quan hệ mang tầm “chiến lược” và “toàn diện”, tức là mở rộng từ địa hạt quân sự sang kinh tế,

chính trị, văn hóa và mở rộng vai trò từ giải quyết các sự vụ mang tầm khu vực sang liên khu vực và quốc tế.

Nói tóm lại, về diễn trình, từ giai đoạn bản lề dưới thời Roh Tae Woo, sự ổn định trong quan hệ song phương có xu hướng suy thoái dần trong 3 đời tổng thống tiếp theo trước khi đột ngột bước vào “trạng thái tốt đẹp nhất trong hàng thập niên” dưới thời Lee Myung Bak và Barrack Obama. Về nội dung, liên minh phát triển từ hợp tác an ninh – quân sự đến hợp tác “chiến lược toàn diện”, trở thành khuôn mẫu mới cho quan hệ liên minh trong giai đoạn hiện nay.

3. Về mặt chính trị, quan hệ song phương sau Chiến tranh lạnh đã vượt thoát khỏi mô hình phụ thuộc cũ và đang dần tiến đến chỗ xây dựng một quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Vị thế quốc tế mới của Hàn Quốc sau Chiến tranh lạnh cùng với quá trình dân chủ hóa chính trị - xã hội đã đưa đến động lực mới cho quá trình thay đổi tính chất quan hệ: sự bất đối xứng trong quan hệ song phương, từng chỉ chú trọng vào vấn đề an ninh, đang được thay thế bằng sự cân bằng hơn và đa diện. Hai bên đã trải qua một giai đoạn chứng kiến nhiều thăng trầm trong việc xây dựng đồng thuận chính sách với những va chạm tranh chấp, nhưng cuối cùng đã đi đến chỗ phối hợp chặt chẽ trong việc ứng phó với các nhân tố cạnh tranh. Kết quả là quan hệ hai bên đã đạt tới giai đoạn phát triển mạnh mẽ nhất trong nhiều thập niên và Hàn Quốc đã trở thành đồng minh thân cận nhất, dù chưa phải là quan trọng nhất, của Hoa Kỳ ở châu Á - Thái Bình Dương.

4. Trên địa hạt an ninh – quân sự, Hoa Kỳ vẫn tiếp tục đánh giá rằng quan hệ mạnh mẽ giữa Hoa Kỳ và Hàn Quốc cùng với cam kết an ninh vững chắc của Hoa Kỳ là hòn đá tảng trong chính sách của Hoa Kỳ đối với Bán đảo Triều Tiên. Dù vai trò của Hàn Quốc trong chính sách an ninh của Hoa Kỳ ở Đông Á – Thái Bình Dương có phần hạn chế hơn so với Nhật Bản, tuy nhiên, nhìn từ tư duy an ninh truyền thống, Hàn Quốc, cũng như Bắc Triều Tiên, lại đóng vai trò nhạy cảm trong cân bằng lực lượng trong khu vực Đông Bắc Á. Vì vậy, trước môi trường an ninh mới trong khu vực sau Chiến tranh lạnh, Hàn Quốc đã được khuyến khích để phát triển một nền quốc phòng tự chủ dựa trên sự hỗ trợ chủ yếu của quân đội Hoa Kỳ. Để

dọa an ninh càng gia tăng từ phía các thực thể chính trị cạnh tranh như CHDCND Triều Tiên hay Trung Quốc thì quan hệ hợp tác an ninh - quốc phòng giữa hai nước càng có cơ sở để củng cố và phát triển, đi cùng với những hiệu chỉnh phù hợp trong hợp tác phòng thủ chung. Trạng thái “linh hoạt chiến lược” của đồng minh hiện nay là một bước phát triển lớn của quan hệ an ninh – quốc phòng song phương, trực tiếp nâng quan hệ hai bên lên tầm chiến lược toàn diện ở tầm quốc tế.

5. Về mặt kinh tế, Hàn Quốc và Hoa Kỳ đã duy trì được mối giao lưu kinh tế trong suốt hơn 6 thập kỷ cho đến nay. Quan hệ kinh tế giữa hai nước đã phát triển từ mối quan hệ bất đối xứng giữa một quốc gia nghèo đói với một siêu cường kinh tế sang một mối quan hệ cân bằng hơn. Hàn Quốc hiện đang đối tác kinh tế lớn thứ 6 đối với Hoa Kỳ, trong khi đó Hoa Kỳ là đối tác kinh tế hàng đầu của Hàn Quốc. Mặc dù xảy ra thâm hụt thương mại do sự mất cân bằng tất yếu về cán cân xuất nhập khẩu, quan hệ kinh tế quan trọng này mang lại lợi ích to lớn cho hai nước, đem về nguồn thu, giải quyết nhu cầu việc làm của người dân, đóng góp to lớn vào sức mạnh tổng hợp của quốc gia. Cả hai nước đều đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của khu vực châu Á Thái Bình Dương trong giai đoạn hiện nay.

6. Quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ có thể xem là một mẫu hình quan hệ giữa một nước bậc trung với một siêu cường/cường quốc. Mặc dù quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ có những đặc điểm, tính chất đặc thù như đã phân tích ở các phần trước, những thăng trầm trong quan hệ song phương này để lại những bài học và những kinh nghiệm hữu ích cũng như những gợi ý cho các quốc gia trong việc hoạch định chính sách đối ngoại, nhất là các nước nằm ở khu vực các cường quốc xác định có lợi ích chiến lược.

Thứ nhất, chính sách đối ngoại cần chủ động hướng đến việc đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ và hội nhập để tạo ra những tiền đề thuận lợi cũng như những cơ hội cho sự phát triển và đảm bảo an ninh của đất nước.

Thứ hai, quá trình hoạch định chính sách đối ngoại trong giai đoạn hiện nay cần chú ý nhiều hơn tới các nhân tố phi nhà nước, trong cũng như ngoài nước, nói cách là tăng cường tính dân chủ trong việc hoạch định chính sách đối ngoại cũng như nội dung đối ngoại.

Thứ ba, trong hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại cần đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu nhưng phải căn cứ vào nội lực quốc gia, tức là vừa cần có tính thực dụng nhưng cũng phải thực tế trong quan hệ đối ngoại. Cần chú trọng đến việc phát triển sức mạnh tổng hợp, đặc biệt là sức mạnh kinh tế, để tạo điều kiện thuận lợi cho quốc gia đảm bảo được sự độc lập, tự chủ trong thi hành chính sách đối ngoại.

Thứ tư, chính sách đối ngoại ngoài ra cần có sự linh động, tùy thuộc vào từng trường hợp đối ngoại và nội dung đối ngoại cụ thể. Nhất là với các nước có vị trí địa chiến lược đặc biệt, cần phải sáng suốt quan sát và đánh giá tình hình quốc tế để thực hiện đảm bảo sự cân bằng ảnh hưởng của các cường quốc hay lựa chọn “ngả về một bên./.